

# Thiết kế hệ thống bài tập môn Khoa học theo thang tư duy Bloom

Vũ Thu Hằng

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội  
98 Đường Quang Hàm, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
Email: vthang@daihocthudo.edu.vn

**TÓM TẮT:** *Dạy học phân hóa là quan điểm dạy học nhằm hướng tới các giá trị riêng của mỗi học sinh trên cơ sở những giá trị chung về năng lực và các phẩm chất khác theo mục tiêu giáo dục của cấp học. Một trong những hình thức của dạy học phân hóa là bài tập phân bậc. Việc vận dụng hệ thống bài tập phân bậc được thiết kế theo thang tư duy Bloom giúp giáo viên có thể định hướng học sinh tập trung vào phần kiến thức và kĩ năng trọng tâm, nhưng ở mức độ khó khác nhau bởi những thử thách phù hợp với lực học và phong cách học của từng học sinh. Trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu về bài tập theo định hướng phát triển năng lực và chương trình môn Khoa học ở tiểu học, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lí luận cơ bản, cốt lõi về mục tiêu, nội dung, hình thức để từ đó đưa ra quy trình thiết kế và sử dụng hệ thống bài tập trong dạy học môn Khoa học.*

**TỪ KHÓA:** *Dạy học phân hóa; bài tập phân bậc; thang tư duy Bloom; môn Khoa học; tiểu học.*

→ Nhận bài 14/8/2019 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 17/9/2019 → Duyệt đăng 25/10/2019.

## 1. Đặt vấn đề

Hiện nay, trong xu thế đổi mới và hội nhập thế giới, nền giáo dục (GD) nước ta đang có những chuyển biến quan trọng. Sự thay đổi chương trình GD phổ thông tổng thể, mục tiêu GD tiểu học “giúp học sinh (HS) hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực” đáp ứng mục tiêu đào tạo trước yêu cầu nâng cao chất lượng GD trong thời kì công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Theo tác giả Jerome Bruner, khi nhu cầu và hứng thú học tập của HS được khai thác, khả năng tự học và tính chủ động của HS sẽ được phát triển. HS sẽ học tốt và hiệu quả hơn khi nhiệm vụ đưa ra phù hợp với các em, không quá dễ hoặc quá khó. Vì vậy, ngoài việc vận dụng các phương pháp dạy học tích cực trong dạy học thì việc thiết kế hệ thống bài tập trong các môn học ở tiểu học nói chung và môn Khoa học lớp 4 nói riêng được coi như một kĩ thuật dạy học nhằm khơi dậy, rèn luyện và phát triển khả năng độc lập, tự chủ, năng động, sáng tạo cho HS ngay trong quá trình học tập ở nhà trường.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Bài tập là gì?

Theo “Từ điển Tiếng Việt” [1, tr.33] do Hoàng Phê chủ biên, khái niệm bài tập (BT) có nghĩa là “*Bài ra cho HS làm để vận dụng những điều đã học*”. Quan niệm trên chỉ đơn thuần giải thích về nghĩa của khái niệm BT chứ chưa làm rõ bản chất của khái niệm “BT”.

Tác giả Nguyễn Ngọc Quang xem xét khái niệm BT trong mối quan hệ với chủ thể nhận thức - người giải BT: BT trở thành đối tượng hoạt động của một chủ thể khi BT đó làm nảy sinh ở người nào đó nhu cầu chọn và giải quyết nó [2,

tr.30].

Tác giả Thái Duy Tuyên cho rằng: BT là một hệ thông tin xác định bao gồm hai tập hợp gắn bó chặt chẽ và tác động qua lại với nhau đó là: (1) *Những điều kiện*: Tức là tập hợp những dấu hiệu xuất phát, diễn tả trạng thái ban đầu của BT (cái đã cho – giả thiết), từ đó tìm ra phép giải; (2) *Những yêu cầu*: Là trạng thái mong muốn đạt tới (cái phải tìm). Hai tập hợp này tạo thành BT, nhưng chúng lại không phù hợp với nhau, thậm chí mâu thuẫn nhau, từ đó xuất hiện nhu cầu giải quyết để biến đổi sự không phù hợp hay mâu thuẫn giữa chúng [3, tr.224].

Tác giả Phan Trọng Ngọ [4, tr.310] quan niệm: “*BT bao gồm các hoạt động của học viên được thực hiện theo yêu cầu của giáo viên (GV), hướng đến việc củng cố những tri thức, kĩ năng, phương pháp hành động đã học*”. Tác giả đã đưa ra một số hình thức BT thông dụng được sử dụng trong dạy học như: Đọc bài giảng hoặc tài liệu khác, chuẩn bị bài, chuẩn bị đề cương ôn tập, học theo đề cương ôn tập, ôn tập thường xuyên thông qua các loại bài kiểm tra. Như vậy, khái niệm BT ở đây được hiểu khá rộng, nó có thể là câu hỏi, BT lí thuyết, thực hành, một nhiệm vụ học tập đơn giản GV đề ra cho HS.

Trên cơ sở các quan niệm trên, theo chúng tôi: *BT là một dạng nhiệm vụ học tập do GV đặt ra cho HS, trên cơ sở những thông tin đã biết, HS phải tư duy, tìm ra cách giải quyết nhằm lĩnh hội nội dung học tập, rèn luyện kĩ năng, đạt được mục tiêu bài học, môn học đề ra.*

Cấu trúc của một BT bao gồm các yếu tố cơ bản sau: (1) *Những điều kiện (Dữ kiện)*: Đây là tập hợp những thông tin đã cho (cái đã biết) làm cơ sở giúp người học tìm mối liên hệ với cái phải tìm nhằm giải quyết các nhiệm vụ học tập; (2) *Những yêu cầu*: Cái phải tìm, nó chứa đựng mâu thuẫn

giữa hiểu biết tri thức môn học của người học và yêu cầu phải đạt được. Thực hiện các yêu cầu này, đòi hỏi người học phải có nhu cầu nhận thức, tích cực tư duy, tìm tòi những con đường giải quyết các nhiệm vụ học tập.

Mỗi môn học có những BT đặc trưng, vì vậy các loại BT rất đa dạng. Giải BT là quá trình người học vận dụng những hiểu biết tri thức của môn học, các thao tác trí tuệ để giải quyết các nhiệm vụ học tập nhằm đưa HS đến một sự nhận thức mới, hay sự vận dụng thành thực các kĩ năng.

## 2.2. Bài tập phân bậc trong dạy học phân hóa

Có nhiều cách thức trong dạy học phân hóa nhằm đáp ứng nhu cầu của tất cả HS và một trong số đó là BT phân bậc (BTPB) (Tiered Assignments). Theo Lewis và Batts (2005), “BTPB là bài tập được thiết kế tại các cấp độ phức tạp khác nhau dựa theo mức độ sẵn sàng của HS” [5].

Tương tự, Johnson, A. (2001) cho rằng, một “BTPB hoặc hoạt động phân bậc là nơi HS thao tác hoặc thực hành cùng một khái niệm hoặc kĩ năng; tuy nhiên, các em lại làm ở các cấp độ phức tạp và tinh tế khác nhau” [6]. Cả hai định nghĩa trên đều quan trọng bởi vì chúng nhấn mạnh vào những điểm khác nhau: Lewis và Batts tập trung vào mức độ sẵn sàng của HS trong khi Johnson tập trung vào cấp độ phức tạp khác nhau.

Trong khi đó, Heacox, D. (2002) định nghĩa như sau: “BTPB là những nhiệm vụ và dự án học tập được phân hóa - là cái được GV phát triển dựa trên những điều tra phân tích về nhu cầu của HS. Khi GV sử dụng BTPB với những nhóm học tập linh hoạt là GV đang giao những bài tập cụ thể cho các nhóm HS cụ thể. Với mỗi nhóm, GV sẽ quyết định các HS sẽ làm việc độc lập, làm việc với một HS khác hay hợp tác với nhau trong nhóm học tập. Giống như các nhóm linh hoạt, BTPB nhằm cung cấp một phương pháp dạy học phù hợp hơn giữa HS và nhu cầu cá nhân của các em” [7].

Theo Kingore, B. (2006): “BTPB giống như một cái cầu thang cung cấp cho HS cách thức để vào được một ngôi nhà lớn – ngôi nhà học tập” [8]. Ông cũng đưa ra một vài chỉ dẫn để phân bậc là cần: “(1) Bảo đảm rằng thành viên của các nhóm phải được sắp xếp linh hoạt; (2) Phải dự kiến về số bậc phù hợp nhất với hoạt động dạy học; (3) Nhận ra rằng sự phức tạp chỉ là tương đối; (4) Thúc đẩy tư duy bậc cao trong mỗi bậc; (5) Cần GV hỗ trợ HS ở mỗi bậc” [8].

Từ các quan điểm về BTPB đã nêu trên, chúng tôi thấy rằng, tuy các nhà nghiên cứu đã sử dụng những cách diễn đạt khác nhau về BTPB nhưng nhìn chung, trong quan điểm của các tác giả vẫn nổi lên một số đặc điểm chung về BTPB như sau:

- Thứ nhất, BTPB phải được xây dựng dựa trên mục tiêu rõ ràng và nội dung cụ thể. Điều này đồng nghĩa với việc GV phải nắm được lực học của học của HS và hướng dẫn HS đạt được mức kiến thức chuẩn, sau đó mới đến các kiến thức nâng cao, chuyên sâu và mở rộng.

- Thứ hai, BTPB phải có sự kết hợp giữa đánh giá và kiểm tra song song trong quá trình học.

- Thứ ba, BTPB phải cung cấp cơ hội cho HS học chuyên

sâu và mở rộng kiến thức (đối với những HS đã nắm vững kiến thức cơ bản).

- Thứ tư, BTPB cho phép HS bắt đầu từ nền tảng mà các em có (nền kiến thức này có thể rất khác nhau ở từng HS) và phát triển đến mức tối đa phù hợp với khả năng của mình.

- Thứ năm, BTPB tạo ra những thành công nhất định cho HS, từ đó tạo động lực cho quá trình học tập phát triển và thành công. Bài tập mức độ cơ bản, khiến khả năng thành công của HS rất cao. Khi hoàn thành tốt bài tập và đạt được lượng kiến thức nhất định, HS sẽ cảm thấy có động lực hơn trong việc chinh phục những kiến thức khó hơn.

## 2.3. Thiết kế hệ thống bài tập môn Khoa học lớp 4 theo thang tư duy Bloom

Trong thực tế, BTPB có thể sử dụng linh hoạt trong suốt quá trình dạy học tùy theo mục đích của GV: Kiểm tra bài cũ, hình thành kiến thức mới, thực hành luyện tập, kiểm tra định kì... Do đó, việc vận dụng thang tư duy Bloom trong việc thiết kế BTPB ở các mức độ khác nhau nhằm phát huy năng lực cao nhất của mỗi cá nhân theo quan điểm của Lev Vygotsky (1896 - 1934) “*Dạy học được coi là tốt nhất nếu nó đi trước sự phát triển và kéo theo sự phát triển*”.

### 2.3.1. Thang tư duy Bloom

Trong lĩnh vực nhận thức, vào năm 1956, Benjamin Bloom (1913 - 1999) - nhà tâm lí học GD Mĩ chuyên nghiên cứu về lĩnh vực nhận thức gắn với GD đã viết cuốn “*Phân loại tư duy theo những mục tiêu GD/Taxonomy of Educational Objectives, Handbook 1: The Cognitive Domain*”. Trong đó, ông mô tả 6 mức độ của tư duy và được sắp xếp từ đơn giản nhất, tức là nhớ lại kiến thức, đến phức tạp nhất [9]. Tuy nhiên, nhận thấy thang phân loại trên chưa thật hoàn chỉnh, vào giữa thập niên 1990, Lorin Anderson - một học trò của Bloom – đã cùng một số cộng sự đề xuất điều chỉnh thành thang Bloom Mới (*Bloom's Revised Taxonomy*). Định lượng quá trình nhận thức trong phiên bản phân loại tư duy của Bloom cũng giống như bản gốc đều có 6 kĩ năng [10].

(1) **Nhớ (Remembering)**: Bao gồm nhận biết và hồi tưởng những thông tin có liên quan đến “trí nhớ dài hạn”. Khi GV yêu cầu HS nêu, liệt kê, xác định, đặt tên là đang gọi lên dạng tư duy này ở các em.

(2) **Hiểu (Understanding)**: Là khả năng diễn đạt lại bằng ngôn ngữ của riêng mình những tài liệu GD như những bài đọc và những lời giải thích của GV.

(3) **Vận dụng (Application)**: Mức độ này yêu cầu HS sử dụng những kiến thức vừa học. Khi HS thiết lập, thực hiện, tạo dựng, mô phỏng... sử dụng hiểu biết của mình, các em đang tư duy ở mức vận dụng.

Ba trình độ này được xếp vào hạng trình độ nhận thức và tư duy thấp, thuộc loại cơ bản.

(4) **Phân tích - Tổng hợp (Analysis - (Synthesis))**: Các từ khóa chính để kiểm tra trình độ nhận thức ở tầng này gồm có: Kết hợp các phần tử có quan hệ thành một tổng thể, soạn thảo một chương trình (âm nhạc, văn học, thi ca, điện

toán...), thiết kế, lập giả thuyết, hệ thống hóa...

(5) **Đánh giá (Evaluation):** Đánh giá nghĩa là định rõ giá trị hay tính hữu ích của cái gì đó dựa trên một tập hợp các tiêu chuẩn.

Ở tầng này, người học phải có khả năng đưa ra những nhận xét, đánh giá, phê bình (tình huống, tác phẩm...), đưa ra những đề nghị, tiên đoán, chứng minh và lập luận dựa trên những dữ kiện cụ thể đã được phân tích và tổng hợp ở hai tầng dưới.

(6) **Sáng tạo (Creating):** Kỹ năng này liên quan đến việc tạo ra cái mới từ những cái đã biết. Để hoàn thành công việc sáng tạo này, người học phải nghĩ ra “cái mới”, lập kế hoạch và thực hiện.

Theo bảng phân loại tư duy này, mỗi cấp độ kiến thức có thể tương đương với mỗi cấp độ của quá trình nhận thức. Vì vậy, một HS có thể nhớ được những kiến thức về sự kiện hoặc những kiến thức tiến trình, hiểu được những kiến thức khái niệm hoặc siêu nhận thức. Người học cũng có thể phân tích những kiến thức siêu nhận thức hoặc những kiến thức sự kiện. Theo Anderson và những cộng sự: “*Học tập có ý nghĩa cung cấp cho HS kiến thức và quá trình nhận thức mà các em cần để giải quyết được vấn đề*” [10].

6 mức độ của thang tư duy Bloom cũng có sự tương đồng với 4 mức độ trong Thông tư 22: Mức 1: Nhận biết; Mức 2: Hiểu; Mức 3: Vận dụng; Mức 4: Vận dụng sáng tạo (tương ứng với Phân tích - tổng hợp; Đánh giá và Sáng tạo).

### 2.3.2. Quy trình thiết kế bài tập theo thang tư duy Bloom

**Bước 1: Phân hóa mục tiêu bài học.** Mục đích của việc dạy học không chỉ dừng lại ở việc cung cấp tri thức cho HS mà còn phải trang bị cho HS những năng lực để tiếp cận và thu nạp những kiến thức đó như thế nào. Trong GD, thang tư duy Bloom cũng là công cụ nền tảng để xây dựng và sắp xếp các mục tiêu GD.

**Bước 2: Phân tích nhu cầu học tập của HS.** Để thiết kế thành công về BTPB, GV cần hiểu sâu sắc về đối tượng HS trong lớp học, không những nắm chắc các thông tin liên quan đến HS như: Năng lực nhận thức, trí tuệ, phong cách học tập, tình cảm, ý chí học tập, những mong muốn về thành tích học tập... Các thông tin đầy đủ của mỗi cá nhân HS sẽ giúp GV xây dựng và tổ chức thực hiện BTPB một cách hiệu quả cao trong việc củng cố nội dung kiến thức và phát huy các năng lực khác cho HS trong quá trình hoạt động. Trước khi thiết kế hệ thống bài tập cho một bài học, một chương học, GV cần đặc biệt quan tâm những vấn đề sau: HS đã biết những gì và làm được gì liên quan đến bài học này? HS cần học được những gì từ bài học này? Với dạng bài này, HS thích những hoạt động học tập nào? HS sẽ gặp những khó khăn gì, hay mắc lỗi ở những chỗ nào trong bài học này? HS có những thuận lợi gì khi học bài này? HS sẽ thích điều gì ở bài học này? HS sẽ không thích gì ở bài học này?

**Bước 3: Xây dựng hệ thống bài tập theo thang tư duy Bloom.** GV cần thực hiện các thao tác sau: Xác định những

gì GV sẽ phân bậc (theo nội dung, quá trình hay sản phẩm); Xác định cách GV sẽ tạo lập nhóm (theo mức độ sẵn sàng, mức độ hứng thú hay phong cách học tập); Xác định số bậc cần thiết (dựa trên các HS trong lớp); Chọn các phương pháp đánh giá mà GV muốn sử dụng cho mỗi bậc.

Khi thiết kế một BTPB, GV cần lưu ý: Đầu tiên, GV có thể tạo ra một nhiệm vụ một bậc, sau đó điều chỉnh tăng hoặc giảm cho các bậc khác. Sau đó, GV có thể điều chỉnh: Mức độ phức tạp - Độ phức tạp từ thấp đến cao; Mức độ phụ thuộc - Từ một biến số đến nhiều biến số; Học liệu được sử dụng - Từ mức độ cơ bản đến mức độ để thử thách; Hình thức biểu hiện - Từ hình thức quen thuộc đến hình thức mới lạ.

**Bước 4: Kiểm tra, đánh giá.** Sau khi xây dựng hệ thống BT, GV có thể tham khảo ý kiến của đồng nghiệp trong việc kiểm tra lại các mức độ nhận thức trong thang tư duy với BT tương ứng. Và để đánh giá sản phẩm khách quan nhất chính là thông qua việc ứng dụng trong quá trình dạy học trên đối tượng HS.

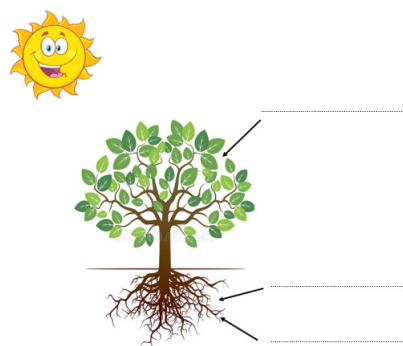
**Bước 5: Phản hồi và điều chỉnh.** Kết quả của HS là sự phản hồi khách quan nhất để GV tiếp tục điều chỉnh các phương pháp phù hợp trong quá trình dạy học nhằm mục đích đạt được những mục tiêu đề ra.

### 2.3.3. Vận dụng trong việc thiết kế bài tập môn Khoa học lớp 4

#### a. Thiết kế BT luyện tập:

#### Bài 65: Quan hệ thức ăn trong tự nhiên

**Câu 1:** Điền vào chỗ trống từ/cụm từ thích hợp sau vào chỗ chấm: (*chất khoáng, thức ăn, chất dinh dưỡng, khí các-bô-níc, nước, mối quan hệ, yếu tố vô sinh*).



Các loài cây đã dùng nước, các chất khoáng, khí các-bô-níc, ánh sáng tạo thành các.....  
nuôi cây.

Các chất như nước, khí các-bô-níc, ánh sáng, chất khoáng được gọi là ..... (các chất có sẵn trong tự nhiên).

Các sinh vật có ..... về dinh dưỡng trong tự nhiên.

**Câu 2:** Điền dấu X tương ứng vào các ô Đúng/Sai trong bảng sau. Nếu sai, giải thích ở cột Chú thích.



# NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN

Ý kiến	Đúng	Sai	Chú thích
1. Các chất vô sinh đều được hấp thu qua rễ.			
2. Thực vật cần ánh sáng để lớn lên.			
3. Thực vật chỉ cần ánh sáng để phát triển.			
4. Cây ngô đã dùng các yếu tố vô sinh để tạo thành các chất dinh dưỡng đi nuôi cây.			
5. Nước, khí các-bô-níc, ánh sáng, chất khoáng là những yếu tố cần thiết cho sự phát triển của cây. Thiếu bất kì yếu tố nào cây sẽ không phát triển được.			

**Câu 3:** Vẽ để hoàn thành sơ đồ quan hệ thức ăn sau:



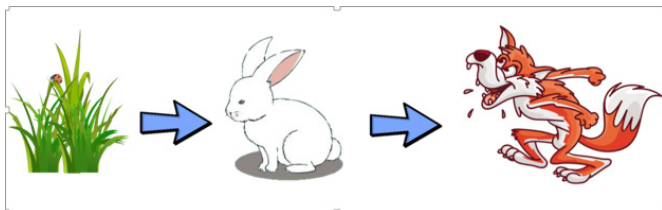
**Câu 4:** Thử trí thông minh: Hôm nay, bạn Lan mua một chậu cây hoa hồng nhỏ rất đẹp. Hai ngày sau, gia đình Lan đi du lịch. Để tránh con mèo phá hỏng cái cây mới mua, Lan đã giấu chậu hoa trong 1 chiếc hộp. Khi trở về nhà sau chuyến đi, Lan nhận ra thân cây đã héo úa, đất trong chậu khô cằn, vỡ vụn. Em hãy giải thích vì sao cây của bạn Lan lại có hiện tượng đó?

**Câu 5:** Theo dõi cuộc hội thoại sau và trả lời câu hỏi:

Bình: Tớ khẳng định: “Sinh vật này chính là thức ăn của sinh vật kia”.

An: Tớ thì lại không đồng ý lắm. Ví dụ nhé: Con gà và con vịt đều là các sinh vật đúng không? Nhưng chúng đâu có phải là thức ăn của nhau đâu, con gà đâu thể ăn con vịt và ngược lại. Theo em, An nói đúng hay Bình nói đúng? Vì sao?

**Câu 6:** Quan sát sơ đồ quan hệ thức ăn sau và nêu mối quan hệ dinh dưỡng giữa các sinh vật bằng hình thức sáng tạo (vẽ, thơ, bài hát...).



b. Vận dụng thiết kế để kiểm tra cuối kì 1:

BÀI KIỂM TRA CUỐI KÌ 1 – MÔN KHOA HỌC LỚP 4

**Câu 1:** a) Điền thông tin thích hợp vào bảng sau

Lấy vào	Thải ra
Oxi	
	Chất cặn bã
	Mồ hôi

b) Khoanh tròn vào đáp án đúng để trả lời câu hỏi sau: “Nước và không khí có tính chất nào chung?”

Không màu, không mùi, không vị.  
Có hình dạng xác định.  
Không thể bị nén.

**Câu 2:** Em hãy giải thích: Vì sao trước khi có mưa, trên bầu trời hay xuất hiện những đám mây đen?

**Câu 3:** Đây là thực đơn trong 3 ngày đầu tuần của một cậu bé mắc bệnh béo phì. Em hãy giúp cậu bé xây dựng một thực đơn mới khoa học và hợp lý hơn nhé.

Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4
- <b>Bữa sáng:</b> Bánh ngọt và 2 hộp sữa. - <b>Bữa trưa:</b> Ăn theo thực đơn của trường. - <b>Bữa tối:</b> 3 bát cơm, thịt kho tàu, khoai tây chiên.	- <b>Bữa sáng:</b> Phở và 1 lon nước soda. - <b>Bữa trưa:</b> Ăn theo thực đơn của trường. - <b>Bữa tối:</b> Pizza, 5 miếng gà rán và nước soda.	- <b>Bữa sáng:</b> 3 chiếc xúc xích và 2 cái bánh bao. - <b>Bữa trưa:</b> Ăn theo thực đơn của trường. - <b>Bữa tối:</b> Bánh ngọt, mì Ý sốt kem và bắp rang bơ.

Thực đơn mới

Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4

**Câu 4:** Gấu được cử làm thị trường của thành phố Ngọc Xanh. Lần đầu tới đây, Gấu rất đỗi ngạc nhiên. Nơi đây đất đai thật khô cằn, dân cư thưa thớt. Nước rất dồi dào, thế nhưng nơi nào có ao hồ, sông suối là nơi đó có vỏ chai, túi ni-lông vấy quanh, nguồn nước bị ô nhiễm nặng bởi nước thải sinh hoạt... Không khí bị ô nhiễm lan sang từ khu công nghiệp liền kề.

Nếu em là Gấu, em sẽ có những biện pháp gì để cải tạo thành phố Ngọc Xanh?

**Câu 5:** Tan học về, Hoa và Mai rủ nhau ra công trường ăn chút đồ ăn nhẹ trong khi chờ bố mẹ đến đón.

Hoa: Mai ơi, chúng mình mua nem chua rán ăn đi. Ngon lắm mà chỉ có 2000 đồng 1 cái nem thôi!

Mai: Ôi thôi mẹ tớ bảo nem ý toàn được chiên mỡ bần, ăn dễ ngộ độc lắm. Hay cậu qua nhà tớ đi, nhà tớ có hộp bò viên đóng hộp ngon cực. Có cả ngô đóng hộp, cá ngừ đóng hộp nữa...

Hoa: Nhưng anh tớ nói, đồ đóng hộp cũng hại lắm, toàn chất bảo quản thôi!

Ý kiến của em là gì? Nếu em là bạn của Hoa và Mai, em sẽ khuyên 2 bạn điều gì?

**Câu 6:** Vẽ tranh cổ động với chủ đề “Bảo vệ nước và không khí quanh ta”.

Ví dụ minh họa trên cho thấy dù ở BT luyện tập hay đề

kiểm tra thì các BT cũng được phân bậc rõ ràng các mức độ như sau:

Câu 1: Tương ứng với mức độ đơn giản, yêu cầu HS nhớ, tái hiện lại nội dung đã được học trong bài.

Câu 2: HS hiểu được nội dung bài học để đưa ra sự lựa chọn đúng với kiến thức của bài.

Câu 3: HS hiểu được kiến thức lí thuyết của bài học để từ đó vận dụng vào cuộc sống thông thường. Ví dụ như HS biết cách xây dựng một thực đơn có chế độ ăn phù hợp.

Câu 4 - 5 - 6: Ở mức độ vận dụng cao, HS cần có tư duy phân tích - tổng hợp các dữ liệu cần có để từ đó đưa ra phương án cách giải quyết, hay quan điểm của mình đánh giá về các sự vật, hiện tượng. Đặc biệt, câu 6 ở mức độ sáng tạo thể hiện rõ tư duy của HS trong việc sáng tạo ra tình huống mới theo cách mà HS hiểu, phân tích dựa trên nội

dung kiến thức đã lĩnh hội được trong các bài học.

### 3. Kết luận

Trong bài viết này, việc thiết kế BTPB được coi như một kĩ thuật dạy học trong quá trình dạy học môn Khoa học. Nhờ có BTPB, GV có thể hướng HS đến những thành công lớn hơn nhờ vào việc tạo ra những BT phù hợp với lực học và phong cách học của từng người. BTPB được sử dụng sao cho tất cả HS tập trung vào phần kiến thức và kĩ năng trọng tâm nhưng ở mức độ khó khác nhau. BTPB được xây dựng theo thang tư duy Bloom cũng đảm bảo rằng HS được đưa ra những thử thách phù hợp và cùng với đó là được trau dồi những kĩ năng và kiến thức cần thiết cho quá trình tiếp nhận diễn ra liên tục.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Hoàng Phê (chủ biên), (2005), *Từ điển Tiếng Việt*, Hà Nội và Đà Nẵng, NXB Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học.
- [2] Nguyễn Ngọc Quang, (1989), *Lí luận dạy học đại cương*, Hà Nội: Trường Cán bộ Quản lí Giáo dục Trung ương 1, tập II.
- [3] Thái Duy Tuyên, (2007), *Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [4] Phan Trọng Ngọ, (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [5] Lewis, S.G. & Batts, K., (2005), How to Implement Differentiated Instruction, *Journal of Staff Development*, 26, 26-31. 4.
- [6] Johnson, A., (2001), How to Use Thinking Skills to Differentiate Curricula for Gifted and Highly Creative Students, *Gifted Child Today*, 24, 58-63. 13.
- [7] Heacox, D., (2002), *Differentiating Instruction in the Regular Classroom: How to Reach and Teach All Learners: Grades 3-12*, Minneapolis, US: Free Spirit Publishing.
- [8] Kingore, B., (2006), Tiered Instruction: Beginning the Process. *Teaching for High Potential*, 5-6, 26, 26-31. 4.
- [9] Bloom, B.S. & Krathwohl, D.R., (1956), *Taxonomy of Educational Objectives: The Classification of Educational Goals, by a committee of college and university examiners. Handbook I: Cognitive Domain*, NY, NY, US: Longmans, Green.
- [10] Anderson, L.W. & Krathwohl, D.R., et al (Eds.), (2001), *A Taxonomy for Learning, Teaching, and Assessing: A Revision of Bloom's Taxonomy of Educational Objectives*. Boston, MA, US: Allyn & Bacon.
- [11] Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2016), *Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 09 năm 2016 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*, Hà Nội.
- [12] Bùi Phương Nga - Lương Việt Thái, (2016), *Sách giáo khoa môn Khoa học lớp 4*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

## DESIGNING A TIERED ASSIGNMENT SYSTEM BASED ON BLOOM'S TAXONOMY

### Vũ Thu Hằng

Hanoi Metropolitan University  
98 Duong Quang Ham, Cau Giay, Hanoi, Vietnam  
Email: vthang@daihocthudo.edu.vn

**ABSTRACT:** *Differentiated instruction is a teaching perspective that addresses the individual values of each student on the basis of general values of competence and other qualities based on the educational goals of the teaching level. One of the forms of differentiated instruction is the tiered assignments. The use of the tiered assignment system based on Bloom's taxonomy helps teachers guide students to focus on the core knowledge and skills, but at different level of difficulty depending on the challenges that are appropriate to the learning power and learning style of each student. According to the study of materials about competency-based exercises and the curriculum of Science subject in primary schools, the author systematized the basic and core theoretical issues on the objectives, contents and forms, then suggested the process of designing and using the tiered assignment system in teaching Science.*

**KEYWORDS:** *Differentiated instruction; tiered assignments; Bloom's taxonomy; science; primary education.*